

Số: 28/2023/DS - ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và bà Vũ Thị Bích.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST – DS ngày 06 tháng 6 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; trụ sở chính: Số 02, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Nguyễn Thị T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh Y, Vĩnh Phúc II.

Trụ sở chi nhánh: Số 146 đường D, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Theo văn bản ủy quyền số: 2665/QĐ – NHN⁰ - PC ngày 01/12/2022).

2/ Ông Nguyễn Thanh S - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Nguyệt Đức thuộc Ngân hàng N - Chi nhánh Y, Vĩnh Phúc II.

(Theo văn bản ủy quyền số: 44/GUQ – NHN⁰.YL ngày 27/3/2023).

Bị đơn: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1983 và bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1983; đều trú tại: Thôn Y, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2023, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Căn cứ vào Giấy ủy quyền lập ngày 13/01/2020 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã V. Bà Lê Kim A ủy quyền cho ông Vũ Văn H ký Hợp đồng tín dụng số: 2803LAV202000148 ngày 13/01/2020 với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Y Vĩnh Phúc II (gọi tắt là Ngân hàng) vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích là để sửa chữa nhà cửa, chăn nuôi bò sinh sản; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 11,5%/năm. Trả lãi theo định kỳ, 01 tháng một lần.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông H vay toàn bộ số tiền trên thẻ hiện tại Giấy nhận nợ ngày 13/01/2020.

Tại phiên tòa, ông S trình bày: Để đảm bảo cho khoản vay nợ trên, vợ chồng ông H đã tự nguyện tín chấp với Ngân hàng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 736, tờ bản đồ số 13, diện tích 172m² tọa lạc tại thôn Y, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BR 241111 do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 05/11/2015 đứng tên ông Vũ Văn H để làm tin.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ban đầu, vợ chồng ông H trả nợ cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh hàng tháng đầy đủ. Đến thời hạn trả nợ tiền gốc theo phân kỳ và tiền lãi theo tháng, vợ chồng ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, nhiều lần Ngân hàng đã đôn đốc vợ chồng ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vợ chồng ông H vẫn không trả nợ đúng như cam kết thỏa thuận. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Cụ thể:

Tính đến ngày 28/9/2023, vợ chồng ông H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi phát sinh là 118.294.465đ (Một trăm mười tám triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả là 18.294.465đ (Mười tám triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng) gồm lãi trong hạn là 15.253.184đ (Mười năm triệu, hai trăm lăm mươi ba nghìn, một trăm tám mươi tư đồng) và lãi quá hạn là 3.041.281đ (Ba triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm tám mươi một đồng).

Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ ở trên ngay và trả nợ trong một lần.

Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu vợ chồng ông H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ chưa trả tính đến hết ngày

28/9/2023, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, ông S trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có yêu cầu Tòa án xem xét đến việc xử lý đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 736, tờ bản đồ số 13, diện tích 172m² tọa lạc tại thôn Y, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên ông Vũ Văn H do vợ chồng ông H tự nguyện tín chấp với Ngân hàng để làm tin. Tuy nhiên xét thấy, trong trường hợp vợ chồng ông H không trả được nợ cho Ngân hàng thì thửa đất 736 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 241111 của vợ chồng ông H sẽ được xác định là tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án của vợ chồng ông H sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét xử lý đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 736 trong vụ án này.

Ông Vũ Văn H, bà Lê Kim A là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, ông H bà Lê Kim A không có lời khai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành làm việc với bà Vũ Thị T là em gái ruột của ông H và sống cùng địa chỉ liền kề với nhà vợ chồng ông H: Bà T xác nhận, bà là người trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho vợ chồng ông H. Sau khi nhận được các văn bản giấy tờ của Tòa án, bà đều thông báo và giao tận tay ngay cho bà Lê Kim A.

Theo thông tin bà được biết thì thực tế vợ chồng ông H, bà Lê Kim A có vay nợ của Ngân hàng như nội dung ông S trình bày ở trên là đúng. Bà T khẳng định, ông H và bà Lê Kim A đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho vợ chồng ông H thông qua bà. Tuy nhiên, bà không hiểu lý do vì sao mà ông H và bà Lê Kim A không đến Tòa án làm việc thì bà không làm được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn thì không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn nên Kiểm sát viên không có kiến nghị, khắc phục gì.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng). Buộc ông Vũ Văn H và bà Lê Kim A phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 28/9/2023 là 118.294.465đ (Một trăm mười tám triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả là 18.294.465đ (Mười tám triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng) gồm lãi trong hạn là 15.253.184đ (Mười năm triệu, hai trăm lăm mươi ba nghìn, một trăm tám mươi tư đồng) và lãi quá hạn 3.041.281đ (Ba triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm tám mươi một đồng) và phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ chưa trả tính đến hết ngày 28/9/2023, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với tài sản tín chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề xuất quan điểm giải quyết về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng là nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn ông Vũ Văn H và bà Lê Kim A về việc yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền gốc, tiền lãi còn nợ tính đến hết ngày 28/9/2023. Do mục đích vay tiền của vợ chồng ông H là để sửa chữa nhà cửa, chăn nuôi bò sinh sản, vợ chồng ông H không giấy phép kinh doanh nên xác định là hoạt động sản xuất của cá nhân không có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng). Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

[1.2]. Ông Vũ Văn H và bà Lê Kim A là bị đơn trong vụ án đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính

đáng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người trên theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Văn H và bà Lê Kim A phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 28/9/2023 và phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ chưa trả tính đến hết ngày 28/9/2023, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Giấy ủy quyền lập ngày 13/01/2020, Hợp đồng tín dụng và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của Ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận định.

Ngày 13/01/2020, ông Vũ Văn H có ký Hợp đồng tín dụng số 2803LAV202000148 với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Y Vĩnh Phúc II (gọi tắt là Ngân hàng) để vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích sửa chữa nhà cửa, chăn nuôi bò sinh sản; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 11,5%/năm. Trả lãi theo định kỳ, mỗi tháng một lần.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng giải ngân cho vợ chồng ông H vay toàn bộ số tiền ghi trong Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền lãi, tiền gốc đối với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 28/9/2023 là 118.294.465đ (Một trăm mười tám triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả là 18.294.465đ (Mười tám triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng) gồm lãi trong hạn là 15.253.184đ (Mười năm triệu, hai trăm lăm mươi ba nghìn, một trăm tám mươi tư đồng) và lãi quá hạn 3.041.281đ (Ba triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm tám mươi một đồng) và phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ chưa trả tính đến hết ngày 28/9/2023, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng, được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày ký kết.

Căn cứ tính lãi trong hạn và lãi quá hạn được các bên thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng như sau:

“Điều 2. Lãi suất cho vay, lãi suất chậm trả lãi, phí.

1. Lãi suất cho vay

a) Phương thức áp dụng lãi suất; Lãi suất điều chỉnh.

.....

.....

b) Mức lãi suất: Mức lãi suất theo.....

.....Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 11.5%/năm.....

c) Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

d) Lãi chậm trả: 10%/năm.

2. Phương pháp tính lãi:

a) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn tính bằng cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày;

b) Tiền lãi trên dư nợ gốc cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày;

c) Tiền lãi chậm trả bằng.....cho ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày;”.

Đối chiếu với Hợp đồng tín dụng và bảng kê tính lãi khoản vay của vợ chồng ông H do Ngân hàng cung cấp thì thấy rằng: Ngân hàng đã xác định số tiền nợ gốc còn lại, cách tính lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn đối với vợ chồng ông H là phù hợp với lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm tính lãi suất.

Căn cứ quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 8 Nghị quyết: 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/1/2019, về việc: Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định.

“Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01/01/2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất

giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.

3. Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”

Căn cứ vào quy định trên, lãi quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn theo công thức (11,5% x số ngày tính lãi x lãi lũy kế): 365 là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định Nghị quyết: 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/1/2019.

Tại phiên tòa, Ngân hàng không đồng ý giãn nợ cho vợ chồng ông H mà yêu cầu vợ chồng ông H phải trả nợ cho Ngân hàng ngay số tiền còn nợ trên. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần đối với vợ chồng ông H nhưng vợ chồng ông H cố tình không đến Tòa án để làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, dẫn đến việc Tòa án không thể lấy được lời khai ông H và bà Lê Kim A. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án, lời trình bày của bà Vũ Thị T là em gái ruột của ông H và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp khẳng định. Ông H, bà Lê Kim A có việc tín chấp quyền sử dụng thửa đất 736 để vay Ngân hàng số tiền 100.000.000đ là có thật. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi tính đến hết ngày 28/9/2023 là 118.294.465đ là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Đối với khoản lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án, tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chưa trả tính đến hết ngày 28/9/2023, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Đối với tài sản tín chấp, do Ngân hàng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Vũ Văn H và bà Lê Kim A là bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật, số tiền án phí vợ chồng ông H phải chịu được tính theo công thức 5% giá trị số tiền 118.294.465đ = 5.915.000đ (Năm triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng) đã được làm tròn số.

Vì vậy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên./.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) đối với bị đơn là ông Vũ Văn H và bà Lê Kim A.

2/ Buộc ông Vũ Văn H và bà Lê Kim A phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc, tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng số: 2803LAV202000148 ký ngày 13/01/2020. Tổng số tiền còn nợ, tính đến hết ngày 28/9/2023 là 118.294.465đ (Một trăm mười tám triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả là 18.294.465đ (Mười tám triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng) gồm lãi trong hạn là 15.253.184đ (Mười năm triệu, hai trăm lăm mươi ba nghìn, một trăm tám mươi tư đồng) và lãi quá hạn 3.041.281đ (Ba triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm tám mươi một đồng) và phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ chưa trả tính đến hết ngày 28/9/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Văn H và bà Lê Kim A phải chịu 5.915.000đ (Năm triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng) đã được làm tròn số án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.742.000đ (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn

đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001709 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Bích Hạnh